|  |  |
| --- | --- |
| BỘ TƯ PHÁP | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 3580/TCBC-BTP | *Hà Nội, ngày 10 tháng 8 năm 2023* |

**THÔNG CÁO BÁO CHÍ**

**Văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

**ban hành trong tháng 7 năm 2023**

Thực hiện khoản 2, khoản 3 Điều 12 Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012, Bộ Tư pháp ban hành Thông cáo báo chí về văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 7 năm 2023 như sau:

**I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH**

Trong tháng 7 năm 2023, Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật như sau:

**Các Nghị định của Chính phủ:**

1. Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí;

2. Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm;

3. Nghị định số 47/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản;

4. Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức;

5. Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;

6. Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo.

**Các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ:**

1. Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

**II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

**1. Nghị định số 45/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

Kể từ ngày Nghị định số 45/2023/NĐ-CP có hiệu lực thi hành, các văn bản sau hết hiệu lực:

+ Nghị định số 95/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí (Nghị định số 95/2015/NĐ-CP);

+ Nghị định số 33/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2013 của Chính phủ ban hành hợp đồng mẫu của hợp đồng chia sản phẩm dầu khí (Nghị định số 33/2013/NĐ-CP).

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

*Cơ sở thực tiễn:*

Luật Dầu khí số 12/2022/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2022 (Luật Dầu khí năm 2022) có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 thay thế Luật Dầu khí ngày 06 tháng 7 năm 1993 (được sửa đổi, bổ sung theo Luật số 19/2000/QH10, Luật số 10/2008/QH12 và Luật số 35/2018/QH14). Theo đó, Luật Dầu khí năm 2022 có một số điểm mới chính như sau:

+ Bổ sung chính sách về điều tra cơ bản về dầu khí là hoạt động điều tra, khảo sát ban đầu nhằm đánh giá tiềm năng, triển vọng dầu khí làm căn cứ cho việc định hướng hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí.

+ Bổ sung, hoàn thiện các quy định về hợp đồng dầu khí theo hướng thuận lợi, đồng bộ, linh hoạt hơn.

+ Bổ sung, hoàn thiện các quy định về trình tự phê duyệt các bước triển khai hoạt động dầu khí, dự án dầu khí bảo đảm tính tương đồng với hệ thống pháp luật về đầu tư, xây dựng và pháp luật có liên quan.

+ Bổ sung, hoàn thiện các quy định về dự án phát triển mỏ dầu khí có chuỗi đồng bộ các hạng mục công trình, thiết bị dầu khí trên đất liền và trên biển nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án phát triển mỏ dầu khí.

+ Bổ sung chính sách ưu đãi đặc biệt áp dụng đối với các lô, mỏ dầu khí thông qua hợp đồng dầu khí nhằm tăng cường thu hút đầu tư vào hoạt động dầu khí.

+ Bổ sung chính sách về khai thác tài nguyên đối với mỏ dầu khí khai thác tận thu nhằm tạo cơ chế đột phá, mang lại nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

+ Bổ sung, hoàn thiện quy định về công tác kế toán, kiểm toán, quyết toán và xử lý chi phí trong hoạt động dầu khí phù hợp với đặc thù của hoạt động dầu khí và thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế.

+ Tăng cường phân cấp cho Bộ Công Thương, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong phê duyệt các bước triển khai hoạt động dầu khí; phân cấp cho Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong phê duyệt việc sử dụng vốn của Tập đoàn và doanh nghiệp 100% vốn của Tập đoàn, phù hợp với chủ trương của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi kèm với tăng cường kiểm tra, giám sát.

+ Quy định rõ chức năng, quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nhằm phân định rõ hai vai trò chính của Tập đoàn là thực hiện nhiệm vụ được Chính phủ giao và tham gia hợp đồng dầu khí với vai trò nhà thầu.

 + Chính sách quy định về việc cho phép bên thứ ba tiếp cận các cơ sở hạ tầng có sẵn của ngành dầu khí và nghĩa vụ chia sẻ công trình dầu khí, cơ sở hạ tầng sẵn có nhằm sử dụng tối ưu, hiệu quả hệ thống hạ tầng cơ sở sẵn có, tránh lãng phí trong đầu tư.

Nhiều điều khoản của Luật Dầu khí năm 2022 quy định giao Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn một số điều, khoản của Luật Dầu khí năm 2022 (chi tiết được nêu tại điểm 2 dưới đây).

Do vậy, việc ban hành Nghị định số 45/2023/NĐ-CP (thay thế Nghị định số 95/2015/NĐ-CP và Nghị định số 33/2013/NĐ-CP) là cần thiết và cấp thiết để đảm bảo tính đồng bộ của hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về dầu khí tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân triển khai thực hiện điều tra cơ bản về dầu khí và hoạt động dầu khí liên tục, ổn định.

*Cơ sở pháp lý:*

+ Tại các Điều 7, 8, 10, 12, 14, 22, 24, 26, 27, 28, 30, 31, 32, 36, 38, 39, 41, 42, 45, 46, 47, 48, 50, 51, 52, 53, 55 và 57 của Luật Dầu khí năm 2022 (28 điều), Chính phủ được giao quy định chi tiết một số nội dung, hồ sơ, trình tự, thủ tục thực hiện Luật Dầu khí năm 2022.

+ Khoản 2 Điều 11 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: “Dự thảo văn bản quy định chi tiết phải được chuẩn bị và trình đồng thời với dự án luật, pháp lệnh và phải được ban hành để có hiệu lực cùng thời điểm có hiệu lực của văn bản hoặc điều, khoản, điểm được quy định chi tiết” (trong hồ sơ dự án Luật Dầu khí (sửa đổi) trình Quốc hội thông qua, Chính phủ đã trình dự thảo Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí).

+ Tại Quyết định số 1529/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục và phân công cơ quan chủ trì soạn thảo văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại kỳ họp thứ 4, Bộ Công Thương được giao chủ trì, phối hợp cùng các Bộ, ngành liên quan xây dựng Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Dầu khí.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 10 Chương, 64 Điều với những nội dung chủ yếu như sau:

- Các điểm mới hoặc bổ sung của Nghị định số 45/2023/NĐ-CP (so với Nghị định số 95/2015/NĐ-CP và Nghị định số 33/2013/NĐ-CP)

(i) Bổ sung quy định về điều tra cơ bản về dầu khí (các Điều 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11) để quy định chi tiết nội dung mới của Luật Dầu khí năm 2022 về điều tra cơ bản về dầu khí (hoạt động điều tra, khảo sát ban đầu nhằm đánh giá tiềm năng, triển vọng dầu khí làm căn cứ cho việc định hướng hoạt động tìm kiếm thăm dò dầu khí).

(ii) Bổ sung quy định về kế hoạch xử lý tiếp theo đối với mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí đang được khai thác tại diện tích hợp đồng dầu khí; việc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam tiếp nhận nguyên trạng mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí từ nhà thầu và thực hiện điều hành hoạt động dầu khí cho đến khi hợp đồng dầu khí mới được ký kết (các Điều 29, 30, 36, 37); cơ chế quản lý, hạch toán, sử dụng tài sản và tiếp nhận toàn bộ quyền lợi tham gia từ nhà thầu trong trường hợp đặc biệt (Điều 38) để quy định chi tiết nội dung mới của Luật Dầu khí năm 2022, phù hợp với thực tiễn triển khai hoạt động dầu khí tại Việt Nam.

(iii) Bổ sung quy định về an toàn trong hoạt động dầu khí (các Điều 39, 40, 41, 42 và 43) để quy định chi tiết nội dung mới Luật Dầu khí năm 2022 (nội dung này trước đây được quy định tại Quyết định số 04/2015/QĐ-TTg ngày 20/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về quản lý an toàn trong hoạt động dầu khí và Quy chế khai thác dầu khí ban hành kèm Quyết định số 84/2010/QĐ-TTg ngày 15/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ).

(iv) Bổ sung quy định về ưu đãi trong hoạt động dầu khí (các Điều 56 và 57) để quy định chi tiết nội dung mới (các Điều 53 và 54) của Luật Dầu khí năm 2022 nhằm tăng cường thu hút đầu tư vào hoạt động dầu khí.

(v) Bổ sung quy định về khai thác tận thu mỏ, cụm mỏ, lô dầu khí (các Điều 58, 59, 60 và 61) để quy định chi tiết nội dung mới của Luật Dầu khí năm 2022, phù hợp với thực tiễn hoạt động dầu khí tại Việt Nam (nhiều mỏ tại thềm lục địa của Việt Nam đã có các hoạt động khai thác gần 40 năm dẫn đến suy giảm sản lượng, độ ngập nước cao; nhiều mỏ được các nhà thầu nước ngoài trả lại cho nước chủ nhà) nhằm tạo cơ chế đột phá tận thu tài nguyên và mang lại nguồn thu cho ngân sách nhà nước.

(vi) Bổ sung quy định về quyết toán đối với hoạt động dầu khí theo hợp đồng dầu khí (Điều 62) để quy định chi tiết nội dung mới của Luật Dầu khí năm 2022, phù hợp với đặc thù của hoạt động dầu khí và thông lệ công nghiệp dầu khí quốc tế.

(vii) Bổ sung quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục trình thẩm định, chấp thuận dự án phát triển mỏ dầu khí có chuỗi đồng bộ các hạng mục công trình, thiết bị dầu khí trên đất liền và trên biển; chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng, đất của dự án phát triển mỏ dầu khí trên đất liền (các Điều 45 và 46) để quy định chi tiết nội dung mới của Luật Dầu khí năm 2022 nhằm nâng cao hiệu quả kinh tế của dự án phát triển mỏ dầu khí, bảo đảm đồng bộ với các pháp luật khác có liên quan.

(viii) Bổ sung các quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục nhằm tăng cường phân cấp cho Bộ Công Thương, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam trong phê duyệt, chấp thuận các nội dung liên quan đến hợp đồng dầu khí; hoạt động dầu khí (Chương IV và Chương VI) để quy định chi tiết nội dung mới về phân cấp trong Luật Dầu khí năm 2022, phù hợp với chủ trương của Chính phủ về đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi kèm với tăng cường kiểm tra, giám sát.

- Các nội dung cập nhật, điều chỉnh của Nghị định số 45/2023/NĐ-CP (so với Nghị định số 95/2015/NĐ-CP và Nghị định số 33/2013/NĐ-CP)

(i) Cập nhật, điều chỉnh quy định danh mục lô dầu khí và lựa chọn nhà thầu để ký kết hợp đồng dầu khí (Chương III) bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, phù hợp với thực tiễn hoạt động dầu khí tại Việt Nam, đồng thời tuân thủ quy định của Luật Dầu khí năm 2022.

(ii) Cập nhật, điều chỉnh quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục trình thẩm định, chấp thuận các nội dung liên quan đến hợp đồng dầu khí, hoạt động dầu khí (Chương IV và Chương VI) bảo đảm đầy đủ, rõ ràng, khả thi, tuân thủ quy định của Luật Dầu khí năm 2022.

(iii) Cập nhật, điều chỉnh một số nội dung hợp đồng mẫu của hợp đồng chia sản phẩm dầu khí (Phụ lục), phù hợp với thực tiễn hoạt động dầu khí tại Việt Nam, tuân thủ quy định của Luật Dầu khí năm 2022.

**2. Nghị định số 46/2023/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2023, trừ trường hợp quy định tại điểm b.

Điều 33, các điều quy định tại Mục 6 Chương II, các Điều 81, 82, 83, các khoản 1, 2, 3, 4, 5 và 6 Điều 93 của Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2023.

Nghị định này thay thế các văn bản sau:

+ Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, trừ các Điều 10, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67. Các Điều 10, 61, 62, 63, 64, 65, 66, 67 của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027;

+ Chương III Nghị định số 151/2018/NĐ-CP ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

+ Điều 1 Nghị định số 80/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định số 98/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, kinh doanh xổ số đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 48/2018/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

*Cơ sở chính trị:*

+ Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 15 tháng 01 năm 2019 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác, sử dụng và phát huy các nguồn lực của nền kinh tế đã nêu nhiệm vụ: *“Hoàn thiện các quy định pháp luật về lĩnh vực bảo hiểm. Khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm đầu tư trở lại nền kinh tế. Nâng cao năng lực quản lý, giám sát của cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm; thực hiện hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm”.*

+ Khoản 2 Điều 4 Nghị quyết số 31/2021/QH15 ngày 12/11/2021 của Quốc hội về kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế 2021-2025 xác định: “*Phát triển toàn diện thị trường bảo hiểm an toàn, bền vững, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm của các tổ chức, cá nhân, bảo đảm an sinh xã hội; doanh nghiệp bảo hiểm có năng lực tài chính vững mạnh, năng lực quản trị điều hành đạt chuẩn mực quốc tế, có khả năng cạnh tranh trong nước và quốc tế”.*

+ Quyết định số 242/2019/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án *“Cơ cấu lại thị trường chứng khoán và thị trường bảo hiểm đến năm 2020 và định hướng đến năm 2025”* xác định: *“sửa đổi Luật Kinh doanh bảo hiểm và các văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng quản lý, giám sát trên cơ sở rủi ro; xây dựng các tiêu chí giám sát nhằm đẩy mạnh công tác hậu kiểm thông qua thanh tra, kiểm tra”.*

+ Quyết định số 531/QĐ-TTg ngày 01/4/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *“Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam thời kỳ 2021 – 2030”:* *“Hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm; nâng cao tính an toàn hệ thống, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp bảo hiểm; hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển và đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm; đa dạng và chuyên nghiệp hóa các kênh phân phối bảo hiểm; tăng cường hiệu quả quản lý của nhà nước về kinh doanh bảo hiểm; đẩy mạnh hợp tác quốc tế và hội nhập trong lĩnh vực bảo hiểm”.*

+ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt *“Chiến lược tài chính đến năm 2030”: ”Hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh doanh bảo hiểm; Phát triển sản phẩm và đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm nhằm đáp ứng nhu cầu của các tổ chức, cá nhân và hội nhập quốc tế, đặc biệt là các sản phẩm bảo hiểm ứng dụng công nghệ thông tin, bảo hiểm xanh, bảo hiểm liên kết y tế,...; Tăng cường năng lực tài chính, quản lý rủi ro, quản trị doanh nghiệp và công khai minh bạch của doanh nghiệp bảo hiểm”.*

*Cơ sở pháp lý:*

Ngày 16/6/2022, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Kinh doanh bảo hiểm tại kỳ họp thứ ba (Luật số 08/2022/QH15). Luật Kinh doanh bảo hiểm sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2023. Theo đó, để hướng dẫn thực hiện, Luật Kinh doanh bảo hiểm đã giao Chính phủ quy định chi tiết các nội dung tại khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 5 Điều 11, điểm b khoản 1 Điều 64, điểm a khoản 2 Điều 64, khoản 3 Điều 65, điểm đ khoản 1 Điều 67, điểm a khoản 2 Điều 67, khoản 6 Điều 69, khoản 4 Điều 71, khoản 4 Điều 74, khoản 2 Điều 77, khoản 5 Điều 81, khoản 4 Điều 83, khoản 5 Điều 87, khoản 1 Điều 89, khoản 3 Điều 93, khoản 6 Điều 94, khoản 4 Điều 97, khoản 2 Điều 98, điểm b khoản 1 và khoản 5 Điều 99, khoản 5 Điều 100, khoản 3 Điều 101, khoản 2 Điều 102, khoản 3 Điều 115, điểm d khoản 2 Điều 125, điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 133, khoản 2 Điều 134, khoản 4 Điều 136, khoản 1 và khoản 3 Điều 138, khoản 3 Điều 143, khoản 1 Điều 152, khoản 3 Điều 156, điểm b khoản 5 Điều 157 Luật Kinh doanh bảo hiểm.

Ngày 01/8/2022, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 917/QĐ-TTg ban hành Danh mục và phân công cơ quan chủ trì soản thảo văn bản quy định chi tiết thi hành các luật, nghị quyết được Quốc hội khóa XV thông qua tại Kỳ họp thứ 3. Theo đó, Bộ Tài chính được giao nhiệm vụ chủ trì, phối hợp với Văn phòng Chính phủ, Bộ Tư pháp và các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan có liên quan xây dựng Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm theo trình tự, thủ tục rút gọn nhưng vẫn phải đảm bảo lấy ý kiến của các đối tượng chịu sự tác động trực tiếp.

- Mục đích ban hành:

Để tiếp tục hoàn thiện khung khổ pháp lý về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, bảo đảm sự phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước; tính đồng bộ, thống nhất với hệ thống pháp luật có liên quan và phù hợp với định hướng phát triển, nhu cầu thực tiễn thị trường, cần thiết phải ban hành Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 8 Chương, 123 Điều và 19 Phụ lục, bao gồm những nội dung chủ yếu sau đây:

*- Phạm vi điều chỉnh:* Nghị định được xây dựng để quy định chi tiết thi hành khoản 2 Điều 6, khoản 2 Điều 7, khoản 5 Điều 11, điểm b khoản 1 Điều 64, điểm a khoản 2 Điều 64, khoản 3 Điều 65, điểm đ khoản 1 Điều 67, điểm a khoản 2 Điều 67, khoản 6 Điều 69, khoản 4 Điều 71, khoản 4 Điều 74, khoản 2 Điều 77, khoản 5 Điều 81, khoản 4 Điều 83, khoản 5 Điều 87, khoản 1 Điều 89, khoản 3 Điều 93, khoản 6 Điều 94, khoản 4 Điều 97, khoản 2 Điều 98, điểm b khoản 1 và khoản 5 Điều 99, khoản 5 Điều 100, khoản 3 Điều 101, khoản 2 Điều 102, khoản 3 Điều 115, điểm d khoản 2 Điều 125, điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 133, khoản 2 Điều 134, khoản 4 Điều 136, khoản 1 và khoản 3 Điều 138, khoản 3 Điều 143, khoản 1 Điều 152, khoản 3 Điều 156, điểm b khoản 5 Điều 157 Luật Kinh doanh bảo hiểm (KDBH).

*- Đối tượng áp dụng:* bao gồm các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, tổ chức tương hỗ cung cấp bảo hiểm vi mô, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam, văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam, bên mua bảo hiểm, người được bảo hiểm, người thụ hưởng, cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

*- Các quy định chính*

*+ Chương I - Những quy định chung,* gồm các nội dung như sau:Phạm vi điều chỉnh; Đối tượng áp dụng; Nghiệp vụ bảo hiểm nhân thọ, phi nhân thọ, sức khỏe; Cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm nhằm quy định chi tiết khoản 2 Điều 7 và khoản 5 Điều 11 Luật KDBH.

Trong đó, bổ sung quy định mới hoàn toàn so với hiện hành quy định về cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, gồm các nội dung về nguyên tắc xây dựng, quản lý, khai thác, sử dụng và thu thập thông tin cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, việc kết nối giữa cơ sở dữ liệu về hoạt động kinh doanh bảo hiểm với các cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành khác.

*+ Chương II - Doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam*, gồm các nội dung như sau:

(i) Về cấp giấy phép thành lập và hoạt động: Nhằm quy định chi tiết điểm a khoản 2 Điều 64, khoản 3 Điều 65, điểm đ khoản 1 Điều 67, điểm a khoản 2 Điều 67, khoản 6 Điều 69, khoản 4 Điều 71 Luật KDBH, Nghị định kế thừa phần lớn các điều kiện đối với chủ đầu tư xin cấp phép thành lập từ Nghị định 73/2016/NĐ-CP, bổ sung quy định về tiêu chuẩn chung về việc nộp, bổ sung hồ sơ, tài liệu, trình tự, thủ tục cấp giấy phép thành lập và hoạt động, thủ tục thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.

(ii) Về thay đổi nội dung giấy phép thành lập và hoạt động: Nhằm quy định chi tiết khoản 4 Điều 71, khoản 4 Điều 74 Luật KDBH, Nghị định kế thừa các quy định tại Nghị định 73/2016/NĐ-CP về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận các thay đổi phải được chấp thuận của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm; Điều kiện, hồ sơ và thủ tục mở, chấm dứt, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc các hình thức hiện diện thương mại khác ở nước ngoài của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

(iii) Về tổ chức hoạt động: Nhằm quy định chi tiết khoản 5 Điều 81 và khoản 4 Điều 83 Luật KDBH, Nghị định kế thừa phần lớn quy định hiện hành về chuyên gia tính toán, sửa đổi theo hướng nâng điều kiện từ 02 chứng chỉ đối với chuyên gia trong lĩnh vực phi nhân thọ lên thành: (i) thành viên (Associate) sau 02 năm kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực và là thành viên (Fellow) sau 05 năm Nghị định này có hiệu lực nhằm áp dụng được mô hình quản lý vốn trên cơ sở rủi ro, quản trị rủi ro. Bổ sung hoàn toàn mới các quy định về điều kiện, tiêu chuẩn về văn bằng, chứng chỉ bảo hiểm, kinh nghiệm và các điều kiện khác đối với người kiểm soát. Theo đó, về cơ bản các chức danh này phải có bằng từ đại học trở lên về chuyên ngành bảo hiểm. Bổ sung mới các quy định về đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Chuyên gia tính toán.

(iv) Về hoạt động nghiệp vụ: Nhằm quy định chi tiết khoản 5 Điều 87, khoản 1 Điều 89 Luật KDBH, bổ sung hoàn toàn mới các quy định về thủ tục đăng ký cơ sở và phương pháp tính phí của các sản phẩm bảo hiểm nhân thọ, sức khỏe và xe cơ giới; Kế thừa quy định hiện hành tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP về điều kiện của doanh nghiệp, tổ chức nhận tái bảo hiểm nước ngoài.

(v) Về chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm: Nhằm quy định chi tiết khoản 3 Điều 93 Luật Kinh doanh bảo hiểm, Nghị định kế thừa quy định hiện hành tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP đồng thời sửa đổi, bổ sung quy định về hồ sơ, trình tự, thủ tục chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm.

(vi) Về tài chính, hạch toán và báo cáo tài chính: Nhằm quy định chi tiết khoản 6 Điều 94, khoản 4 Điều 97, khoản 2 Điều 98, điểm b khoản 1 và khoản 5 Điều 99, khoản 5 Điều 100, Khoản 3 Điều 101, khoản 2 Điều 102 Luật KDBH, Nghị định cơ bản kế thừa các quy định tại Nghị định 73/2016/NĐ-CP về quản lý vốn chủ sở hữu, dự phòng nghiệp vụ, phương pháp và cơ sở trích lập dự phòng nghiệp vụ, doanh thu, chi phí, hạn mức đầu tư, tách quỹ và phân chia thặng dư; chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm. Bổ sung, sửa đổi các quy định về điều kiện, thủ tục đề nghị chấp thuận đầu tư ra nước ngoài, hạn chế đầu tư ra nước ngoài.

(vii) Về giải thể doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, chấm dứt hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam: Nhằm quy định chi tiết khoản 3 Điều 115 Luật KDBH, Nghị định cơ bản kế thừa các quy định về giải thể doanh nghiệp và chấm dứt hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP.

(viii) Về văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam: Nhằm quy định chi tiết khoản 2 Điều 77 Luật KDBH, Nghị định cơ bản kế thừa các quy định tại Nghị định 73/2016/NĐ-CP về điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt; bổ sung quy định mới về cấp lại, thu hồi giấy phép văn phòng đại diện nước ngoài tại Việt Nam.

*+ Chương III - Đại lý bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, tổ chức, cá nhân cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm, gồm các nội dung như sau:*

(i) Về đại lý bảo hiểm quy định nội dung: Nhằm chi tiết điểm d khoản 2 Điều 125 Luật KDBH, Nghị định bổ sung quy định chi tiết về điều kiện đối với tổ chức hoạt động đại lý bảo hiểm. Theo đó, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài làm đại lí bảo hiểm phải có bộ phận chuyên trách thực hiện hoạt động đại lí, người đứng đầu bộ phận chuyên trách thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm phải có tối thiểu 03 năm kinh nghiệm làm trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng bảo hiểm và có bằng cấp về bảo hiểm, mỗi chi nhánh phải có tối thiểu 03 nhân viên được đào tạo và có chứng chỉ đại lí bảo hiểm, có quy trình giám sát và kiểm soát chất lượng đại lí, có hệ thống thông tin phù hợp, phải thiết lập một quầy giao dịch riêng (hoặc bàn giao dịch riêng) để tách biệt với khu vực giao dịch khác. Tổ chức khác làm đại lí bảo hiểm thì phải có tối thiểu 3 nhân viên trực tiếp thực hiện hoạt động đại lí bảo hiểm, có quy trình giám sát tuân thủ nguyên tắc hoạt động đại lí.

(ii) Về doanh nghiệp môi giới bảo hiểm: Nhằm quy định chi tiết điểm b khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 133, khoản 2 Điều 134, khoản 4 Điều 136, khoản 1 và khoản 3 Điều 138 Luật KDBH, Nghị định kế thừa quy định tại Nghị định 73/2016/NĐ-CP về điều kiện, hồ sơ, trình tự và thủ tục cấp giấy phép thành lập và hoạt động doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; Điều kiện, hồ sơ, trình tự thủ tục chấp thuận các thay đổi của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; Điều kiện, thủ tục và hồ sơ giải thể doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; Điều kiện, tiêu chuẩn về văn bằng, chứng chỉ, kinh nghiệm và các điều kiện khác của của Tổng Giám đốc, Người đại diện theo pháp luật, Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Kế toán trưởng, trưởng các bộ phận nghiệp vụ của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm; vốn, doanh thu, chi phí của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

(iii) Về dịch vụ phụ trợ bảo hiểm: Nhằm quy định chi tiết khoản 3 Điều 143 Luật KDBH, Nghị định kế thừa quy định về điều kiện văn bằng, chứng chỉ, tiêu chuẩn đối với cá nhân trực tiếp thực hiện hoạt động phụ trợ bảo hiểm trong tổ chức cung cấp dịch vụ phụ trợ bảo hiểm.

*+ Chương IV - Cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo hiểm qua biên giới*

Nhằm quy định chi tiết khoản 2 Điều 6 Luật KDBH, Nghị định kế thừa quy định pháp luật hiện hành về cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo hiểm qua biên giới quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP. Theo đó, quy định về việc sử dụng và cung cấp dịch vụ bảo hiểm qua biên giới, dịch vụ môi giới bảo hiểm qua biên giới, dịch vụ phụ trợ bảo hiểm qua biên giới phù hợp với các cam kết quốc tế. Bên cạnh đó, Nghị định cũng sửa đổi một số quy định, cụ thể như sau:

(i) Sửa đổi quy định về đối tượng sử dụng dịch vụ bảo hiểm cung cấp qua biên giới là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và người nước ngoài làm việc tại Việt Nam để đảm bảo tuân thủ cam kết tại WTO.

(ii) Bãi bỏ nội dung: Quy định về bảo hiểm nhân thọ và bảo hiểm sức khỏe không áp dụng các quy định về cung cấp và sử dụng dịch vụ bảo hiểm qua biên giới để đảm bảo phù hợp với các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

*+ Chương V - Phối hợp quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam*

Để quy định chi tiết khoản 1 Điều 152 Luật KDBH, Nghị định đã bổ sung thêm 01 chương quy định về phối hợp quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam. Cụ thể như sau:

(i) Về cơ chế phối hợp về quản lý, giám sát chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam: Bộ Tài chính phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài thông qua việc chia sẻ thông tin quản lý giám sát đối với chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các bên trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm và bảo đảm sự phát triển lành mạnh, bền vững của thị trường bảo hiểm Việt Nam; Việc chia sẻ thông tin với cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài được thực hiện trên cơ sở đề nghị, yêu cầu bằng văn bản; Nội dung của các thỏa thuận quốc tế hợp tác, chia sẻ thông tin với các cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài bảo đảm các quy định.

(ii) Về thanh tra, kiểm tra hoạt động kinh doanh bảo hiểm của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam: Kế thừa quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP, Nghị định quy định: Bộ Tài chính Việt Nam thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam theo quy định pháp luật; Trường hợp cơ quan quản lý nhà nước về bảo hiểm nước ngoài nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính thực hiện thanh tra, kiểm tra hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam thì phải thông báo kế hoạch thanh tra, kiểm tra cho Bộ Tài chính và cung cấp kết quả thanh tra, kiểm tra cho Bộ Tài chính.

*+ Chương VI - Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm*

Theo quy định tại khoản 4 Điều 157 Luật Kinh doanh bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài dừng trích nộp Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm từ ngày 01 tháng 01 năm 2023. Điểm b khoản 5 Điều 157 đã giao Chính phủ quy định chi tiết về quản lý và sử dụng số dư của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm tại Bộ Tài chính. Theo đó, Chương VI Nghị định về Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm với 04 Điều quy định về: Nguyên tắc quản lý, sử dụng Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm, Nội dung chi, hạn mức chi trả và thủ tục chi trả của Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm.

*+ Chương VII – Về nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư và bảo hiểm hưu trí*

Trên cơ sở khoản 2 Điều 7 Luật Kinh doanh bảo hiểm về việc giao Chính phủ quy định chi tiết các nghiệp vụ bảo hiểm tương ứng với các loại hình bảo hiểm, Nghị định bổ sung một số quy định về điều kiện đối với việc triển khai nghiệp vụ bảo hiểm liên kết đầu tư, nghiệp vụ bảo hiểm hưu trí (thuộc loại hình bảo hiểm nhân thọ) tại Chương VII này. Về cơ bản, các nội dung này được kế thừa từ các các Thông tư số 135/2012/TT-BTC, Thông tư số 115/2013/TT-BTC, Thông tư số 52/2016/TT-BTC.

*- Danh mục Phụ lục*

|  |  |
| --- | --- |
| Phụ lục I | Đơn đề nghị cấp Giấy phép thành lập và hoạt động |
| Phụ lục II | Giấy phép thành lập và hoạt động |
| Phụ lục III | Đơn đề nghị đổi tên/thay đổi vốn điều lệ (vốn được cấp)/thay đổi địa điểm đặt trụ sở chính/thay đổi nội dung, phạm vi và thời hạn hoạt động/bổ nhiệm, thay đổi Chủ tịch/Tổng Giám đốc/Chuyên gia tính toán của doanh nghiệp bảo hiểm/doanh nghiệp tái bảo hiểm/chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam/doanh nghiệp môi giới bảo hiểm |
| Phụ lục IV | Đơn đề nghị chuyển nhượng cổ phần (phần vốn góp) |
| Phụ lục V | Giấy phép điều chỉnh |
| Phụ lục VI | Đơn đề nghị chia/tách/sáp nhập/hợp nhất/chuyển đổi hình thức |
| Phụ lục VII | Đơn đăng ký, sửa đổi, bổ sung phương pháp, cơ sở tính phí bảo hiểm |
| Phụ lục VIII | Đơn đề nghị chuyển giao danh mục hợp đồng bảo hiểm |
| Phụ lục IX | Đơn đề nghị áp dụng/thay đổi phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ |
| Phụ lục X | Đơn đề nghị đầu tư ra nước ngoài |
| Phụ lục XI | Đơn đề nghị đăng ký/thay đổi nguyên tắc phân bổ tài sản, nguồn vốn, doanh thu, chi phí chung liên quan đến Quỹ chủ sở hữu và Quỹ chủ hợp đồng |
| Phụ lục XII | Đơn đề nghị áp dụng/thay đổi phương pháp phân chia thặng dư |
| Phụ lục XIII | Đơn đề nghị cấp Giấy phép đặt văn phòng đại diện/Gia hạn Giấy phép/Chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện tại Việt Nam |
| Phụ lục XIV | Giấy phép đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam |
| Phụ lục XV | Đơn đề nghị cấp lại, sửa đổi, bổ sung Giấy phép đặt Văn phòng đại diện |
| Phụ lục XVI | Giấy phép điều chỉnh đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam |
| Phụ lục XVII | Đơn đề nghị mở chi nhánh/văn phòng đại diện và các hình thức hiện diện thương mại khác tại nước ngoài của doanh nghiệp môi giới bảo hiểm |
| Phụ lục XVIII | Văn bản đề nghị sử dụng Quỹ bảo vệ người được bảo hiểm |
| Phụ lục XIV | Đơn đề nghị giải thể của doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm, chấm dứt hoạt động của chi nhánh nước ngoài tại Việt Nam  |

**3. Nghị định số 47/2023/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu giá tài sản**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2023.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

Triển khai thi hành Luật Đấu giá tài sản, hoạt động đấu giá đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, trong đó, thể chế pháp luật về đấu giá tài sản tiếp tục được hoàn thiện với việc ban hành đầy đủ, đúng thời hạn các văn bản hướng dẫn thi hành Luật[[1]](#footnote-1), số lượng và chất lượng đội ngũ đấu giá viên, tổ chức đấu giá tài sản ngày càng được nâng cao[[2]](#footnote-2), hoạt động của các tổ chức đấu giá tài sản có những bước phát triển mới[[3]](#footnote-3).

Luật Đấu giá tài sản và Nghị định số 62/2017/NĐ-CP lần đầu tiên quy định một hình thức đấu giá mới, thông dụng trên thế giới, đó là hình thức đấu giá trực tuyến. Với đặc thù về tài sản đấu giá ở Việt Nam chủ yếu là tài sản công, tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá (tài sản thi hành án, tài sản giao dịch bảo đảm) thì hình thức đấu giá trực tuyến có ý nghĩa quan trọng trong việc hạn chế tối đa các hiện tượng tiêu cực trong hoạt động đấu giá tài sản như “thông đồng, dìm giá”, “quân xanh, quân đỏ”, “xã hội đen”... nhất là trong giai đoạn thực hiện giãn cách xã hội do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 vừa qua, hình thức đấu giá trực tuyến đã được sử dụng rộng rãi tại một số địa phương vừa góp phần vào việc xử lý tài sản của các cơ quan, tổ chức theo đúng kế hoạch, thu ngân sách, vừa đảm bảo công tác phòng chống dịch Covid-19 hiệu quả. Tính đến ngày 31/8/2022, cả nước đã có 08 tổ chức đấu giá tài sản được phê duyệt đủ điều kiện thực hiện theo hình thức đấu giá trực tuyến[[4]](#footnote-4).

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được nêu trên, việc thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến theo quy định của Nghị định số 62/2017/NĐ-CP đã phát sinh một số bất cập, hạn chế như sau:

+ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP chưa quy định hoặc quy định chưa đầy đủ hình thức đấu giá trực tuyến hoàn toàn trên môi trường internet (hiện nay chỉ quy định cuộc đấu giá được tổ chức trực tuyến còn quy trình thông báo công khai việc đấu giá, việc bán hồ sơ, nộp hồ sơ, tiền đặt trước trực tiếp... vẫn được thực hiện trực tiếp như các hình thức đấu giá khác) nên các tổ chức đấu giá tài sản lúng túng trong việc áp dụng. Mặt khác, mỗi tổ chức đấu giá tài sản lại thực hiện một cách khác nhau dẫn đến tình trạng áp dụng không thống nhất hình thức đấu giá trực tuyến trên thực tế.[[5]](#footnote-5)

+ Nghị định số 62/2017/NĐ-CP quy định các tổ chức đấu giá tài sản tự xây dựng và vận hành Trang thông tin đấu giá trực tuyến của mình sau khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt mà chưa có quy định về chế độ kiểm tra, đánh giá đáp ứng các yêu cầu trong quá trình vận hành, sử dụng nên đã dẫn đến tình trạng trong một số vụ việc đấu giá, người tham gia đấu giá không thể trả giá do hệ thống bị lỗi tạm thời, hệ thống ghi nhận người trúng đấu giá khi chưa hết thời gian trả giá. Việc tổ chức đấu giá tài sản tự xây dựng, vận hành Trang thông tin đấu giá trực tuyến để đấu giá trực tuyến mà không có sự kiểm tra, giám sát cũng tiềm ẩn nguy cơ tiêu cực.

+ Người có tài sản, các tổ chức đấu giá tài sản khác gặp khó khăn khi lựa chọn, tiếp cận và sử dụng Trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến của các tổ chức đấu giá tài sản đã được phê duyệt do số lượng tổ chức đấu giá tài sản có Trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến chưa nhiều, chủ yếu tại Hà Nội và chưa có Trang điện tử đấu giá trực tuyến thống nhất để ứng dụng rộng rãi hình thức đấu giá này trên phạm vi toàn quốc.

Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08/01/2022 của Chính phủ về nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2022 giao Bộ Tư pháp chủ trì xây dựng dự thảo Nghị định. Do đó, trước yêu cầu của tình hình thực tiễn, việc sửa đổi, bổ sung Nghị định số 62/2017/NĐ-CP để quy định đầy đủ, thống nhất, đồng bộ hình thức đấu giá trực tuyến (đảm bảo toàn bộ quy trình đấu giá trực tuyến được thực hiện trên môi trường internet) và xây dựng Trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến thống nhất (tích hợp vào Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản đang vận hành như hiện nay) nhằm thúc đẩy việc sử dụng hình thức đấu giá trực tuyến, tăng cường tính công khai, minh bạch, hạn chế tiêu cực, đảm bảo kết nối thông tin, qua đó, đảm bảo lợi ích nhà nước trong đấu giá tài sản công là rất cần thiết.

+ Hiện nay hầu hết các tài sản bán đấu giá là tài sản công, tài sản xử lý trong hoạt động tư pháp, hành chính (như đất đai, tài sản thi hành án, tài sản do vi phạm hành chính cần xử lý...). Do vậy, nếu thực hiện bán đấu giá các loại tài sản này trên mạng đấu giá tập trung, có sự kiểm soát chặt chẽ sẽ góp phần quan trọng trong việc nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, hạn chế tiêu cực, chống thất thoát tài sản công.

- Mục đích ban hành:

Dự thảo Nghị định được xây dựng với mục đích và các quan điểm chỉ đạo sau đây:

+ Tiếp tục thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước về cải cách tư pháp, cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, đẩy nhanh xây dựng khung chính sách, pháp luật đối với xây dựng Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí… góp phần năng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước về đấu giá tài sản.

+ Đảm bảo trình tự, thủ tục đấu giá các loại tài sản mà pháp luật quy định phải bán thông qua đấu giá và tài sản thuộc sở hữu của cá nhân, tổ chức thống nhất, đồng bộ, công khai, minh bạch, khách quan, trong đó có một số quy định riêng đối với một số loại tài sản đặc thù.

 + Tiếp tục hoàn thiện chức năng của Cổng thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản trước bối cảnh thực hiện chuyển đổi số trong hoạt động đấu giá tài sản theo hướng hoàn thiện hình thức đấu giá trực tuyến, bổ sung chức năng cung cấp dịch vụ đấu giá trực tuyến thống nhất do cơ quan quản lý nhà nước quản lý, vận hành.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 03 Điều với những nội dung chủ yếu như sau:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 62/2017/NĐ-CP gồm các khoản: (i) Khoản 1: Sửa đổi, bổ sung Điều 9 về tổ chức đấu giá bằng hình thức đấu giá trực tuyến; (ii) Khoản 2: Sửa đổi, bổ sung Điều 10 về trình tự thực hiện đấu giá bằng hình thức đấu giá trực tuyến; (iii) Khoản 3: Sửa đổi, bổ sung Điều 13 về yêu cầu đối với Trang thông tin đấu giá trực tuyến; (iv) Khoản 4: Sửa đổi, bổ sung Điều 14 về thẩm định điều kiện đối với Trang thông tin đấu giá trực tuyến của tổ chức đấu giá tài sản; (v) Khoản 5: Sửa đổi, bổ sung Điều 15 về phê duyệt, hủy phê duyệt Trang thông tin đấu giá trực tuyến; (vi) Khoản 6: Sửa đổi, bổ sung Điều 16 về trách nhiệm của Bộ Tư pháp, tổ chức đấu giá tài sản trong việc xây dựng, quản lý, vận hành Trang thông tin đấu giá trực tuyến; (vii) Khoản 7: Bổ sung 02 Điều sau Điều 16 gồm: Điều 16a về trách nhiệm của tổ chức đấu giá tài sản, Hội đồng đấu giá tài sản, tổ chức mà Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ do Chính phủ thành lập để xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng tham gia Trang thông tin đấu giá trực tuyến; Điều 16b về trách nhiệm của người tham gia đấu giá khi tham gia Trang thông tin đấu giá trực tuyến.

- Điều 2. Quy định chuyển tiếp.

- Điều 3. Điều khoản thi hành.

**4. Nghị định số 48/2023/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2020 về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 9 năm 2023.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

*Cơ sở chính trị - pháp lý:*

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng khẳng định mục tiêu: “Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là cán bộ cấp chiến lược, người đứng đầu có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”; “Tăng cường công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình; kiểm soát quyền lực gắn với siết chặt kỷ cương, kỷ luật trong hoạt động của Nhà nước và của cán bộ, công chức, viên chức”; “Hoàn thiện thể chế, quy định về công tác cán bộ, tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí, cơ chế đánh giá cán bộ”. Triển khai các quan điểm chỉ đạo trên, trong thời gian vừa qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành một số văn bản mới liên quan đến công tác cán bộ.

Để kịp thời thể chế hóa chủ trương, quy định tại các văn kiện đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng thông qua; chủ trương, đường lối của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư tại các văn bản mới ban hành, Nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì việc sửa đổi, bổ sung một số quy định tại Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ là cần thiết.

*Cơ sở thực tiễn:*

Quá trình thực hiện các quy định về xử lý kỷ luật cán bộ, công chức, viên chức, các bộ, ngành, địa phương phản ánh vướng mắc, thiếu căn cứ pháp lý để xử lý một số tình huống phát sinh trong công tác cán bộ; một số quy định cần sửa đổi để bảo đảm thống nhất trong áp dụng pháp luật như thẩm quyền đánh giá, xếp loại; quy định về việc ban hành Quy chế đánh giá…

Để kịp thời thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng, đồng thời giải quyết dứt điểm tình trạng thiếu thống nhất giữa pháp luật của Nhà nước và quy định của Đảng; xuất phát từ căn cứ chính trị, căn cứ pháp lý và căn cứ thực tiễn thì việc ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 90/2020/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ về đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức là cần thiết.

-Mục đích ban hành:

Tiếp tục thể chế hóa chủ trương, đường lối của Đảng trong công tác cán bộ, bảo đảm đồng bộ giữa quy định của Đảng và Nhà nước; giải quyết dứt điểm những khó khăn, vướng mắc trong thực tiễn, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý cán bộ, công chức, viên chức.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 03 Điều với những nội dung chủ yếu như sau:

Về xếp loại trong trường hợp bị xử lý kỷ luật: Trường hợp CBCCVC bị xử lý kỷ luật đảng hoặc kỷ luật hành chính, thì đánh giá, xếp loại chất lượng như sau: CBCCVC bị xử lý kỷ luật đảng hoặc kỷ luật hành chính trong năm đánh giá thì xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ, trừ trường hợp hành vi vi phạm chưa có quyết định xử lý kỷ luật của cấp có thẩm quyền nhưng đã được dùng làm căn cứ để đánh giá, xếp loại chất lượng ở mức không hoàn thành nhiệm vụ trong năm đánh giá thì quyết định xử lý kỷ luật ban hành sau năm đánh giá đối với hành vi vi phạm đó (nếu có) không được tính để đánh giá, xếp loại chất lượng ở năm có quyết định xử lý kỷ luật; Trường hợp CBCCVC là đảng viên, đã bị xử lý kỷ luật đảng và kỷ luật hành chính về cùng một hành vi vi phạm nhưng quyết định kỷ luật đảng và quyết định kỷ luật hành chính không có hiệu lực trong cùng năm đánh giá thì chỉ tính là căn cứ xếp loại chất lượng ở một năm đánh giá.

Về đánh giá, xếp loại: Nghị định 48/2023/NĐ-CP quy định tỷ lệ CBCCVC xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” trong tổng số CBCCVC tại cùng cơ quan, tổ chức đơn vị và đối với từng nhóm đối tượng có nhiệm vụ tương đồng không quá tỉ lệ đảng viên được xếp loại “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” theo quy định của Đảng.Trường hợp cơ quan, tổ chức, đơn vị có thành tích xuất sắc, nổi trội, hoàn thành vượt kế hoạch các công việc được giao, hoàn thành tốt các công việc đột xuất, có đề xuất hoặc tổ chức thực hiện đổi mới sáng tạo, tạo sự chuyển biến tích cực, mang lại giá trị, hiệu quả thiết thực thì cấp có thẩm quyền quyết định tỉ lệ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ phù hợp với thực tế, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của CBCCVC.

Về lưu trữ: Tài liệu kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức được lưu giữ bằng hình thức điện tử (gồm: Biên bản cuộc họp nhận xét, đánh giá; Phiếu đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức; nhận xét của cấp ủy nơi công tác; kết luận và thông báo bằng văn bản về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức của cấp có thẩm quyền; Hồ sơ giải quyết kiến nghị về kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng và các văn bản khác liên quan (nếu có)). Ngoài việc lưu giữ bằng hình thức điện tử, các tài liệu trên còn được lưu bằng văn bản trong hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức.

Cơ quan có thẩm quyền quản lý CBCCVC về đánh giá, xếp loại chất lượng, cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng CBCCVC ban hành Quy chế đánh giá phù hợp với đặc thù của cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

Việc đánh giá, xếp loại chất lượng đối với người làm việc trong tổ chức cơ yếu thực hiện theo quy định của pháp luật về cơ yếu và không trái với nguyên tắc đánh giá, xếp loại cán bộ của cấp có thẩm quyền.

Bỏ cụm từ “trong quá trình thực thi nhiệm vụ” tại khoản 5 Điều 7; điểm c khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 11; điểm c khoản 1 và điểm đ khoản 2 Điều 15 Nghị định 90/2020/NĐ-CP.

Không xem xét lại đối với những trường hợp đã có kết quả xếp loại chất lượng trước ngày 15/9/2023. Trường hợp cấp có thẩm quyền thực hiện xem xét đánh giá, xếp loại chất lượng CBCCVC trước ngày 15/9/2023 thì tiếp tục áp dụng quy định của pháp luật tại thời điểm đó để thực hiện.

**5. Nghị định số 55/2023/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2023.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

*Cơ sở pháp lý:*

+ Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 48 Pháp lệnh số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 giao Chính phủ quy định mức hưởng và việc thực hiện trợ cấp, phụ cấp, các chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng và thân nhân của người có công với cách mạng; đầu tư cho các công trình ghi công liệt sĩ, mộ liệt sĩ, cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, cơ sở đón tiếp người có công từ ngân sách nhà nước.

+ Căn cứ quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 69/2022/QH15 ngày 11 tháng 11 năm 2022 của Quốc hội về dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 thì từ ngày 01 tháng 7 năm 2023, tăng mức chuẩn trợ cấp người có công bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn hộ nghèo khu vực thành thị.

Thực hiện nhiệm vụ được phân công tại Quyết định số 48/QĐ-TTg ngày 03/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình công tác năm 2023 của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, theo đó Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội được giao chủ trì xây dựng trình Chính phủ Nghị định điều chỉnh mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng.

*Cơ sở thực tiễn:*

Lần gần nhất Chính phủ thực hiện điều chỉnh mức chuẩn để xác định các mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi đối với người có công với cách mạng là từ ngày 01/7/2019 theo quy định tại Nghị định số 58/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định mức trợ cấp, phụ cấp ưu đãi đối với người có công với cách mạng với mức điều chỉnh tăng bằng tỷ lệ tăng lương cơ sở là 7,194% (từ 1.515.000 đồng lên 1.624.000 đồng).

Từ năm 2020, sự bùng phát của đại dịch Covid-19 đã tác động đến nhiều mặt trên các lĩnh vực kinh tế và xã hội của đất nước, thu ngân sách nhà nước gặp nhiều khó khăn, mức lương cơ sở, trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công chưa được điều chỉnh tăng (ngày 24 tháng 7 năm 2021, Chính phủ ban hành Nghị định số 75/2021/NĐ-CP nhưng mức chuẩn để xác định các mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi người có công với cách mạng vẫn giữ nguyên là 1.624.000 đồng).

Mặt khác, trong quá trình tổ chức thực hiện Nghị định số 75/2021/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ, một số vấn đề cần phải sửa đổi, bổ sung để triển khai đảm bảo sự linh hoạt, đồng bộ, phù hợp với thực tiễn như: Phạm vi điều chỉnh; hỗ trợ về chăm sóc y tế; phục hồi sức khỏe người có công tại các cơ sở nuôi dưỡng; hỗ trợ người có công đang nuôi dưỡng tại các cơ sở nuôi dưỡng về thăm gia đình; giám định ADN xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin,...

- Mục đích ban hành:

Nghị định được xây dựng và ban hành nhằm thể chế hóa quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về việc chăm sóc đời sống vật chất, tinh thần người có công với cách mạng và thân nhân người có công với cách mạng; phù hợp với Nghị quyết của Quốc hội, các quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 03 Điều với những nội dung chủ yếu như sau:

- Mức chuẩn trợ cấp ưu đãi người có công với cách mạng: Điều chỉnh tăng từ 1.624.000 đồng lên thành 2.055.000 đồng.

- Một số nội dung sửa đổi, bổ sung khác:

+ Bổ sung phạm vi điều chỉnh của Nghị định: bổ sung thêm Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

+ Bổ sung nguyên tắc làm tròn số khi tính mức hưởng trợ cấp, phụ cấp và các chế độ ưu đãi được quy định theo mức chuẩn.

+ Bổ sung quy định về cách tính thâm niên tham gia kháng chiến để hưởng trợ cấp ưu đãi một lần.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về xác định danh tính hài cốt liệt sĩ còn thiếu thông tin bằng phương pháp giám định ADN.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về hỗ trợ chăm sóc y tế, phục hồi sức khỏe người có công tại các cơ sở nuôi dưỡng.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về hỗ trợ phục vụ công tác nuôi dưỡng, điều dưỡng tại các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng, đón tiếp người có công do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

+ Sửa đổi, bổ sung quy định về hỗ trợ người có công đang nuôi dưỡng tại cơ sở nuôi dưỡng về thăm gia đình.

+ Sửa đổi, bổ sung nguyên tắc hỗ trợ cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, bảo trì cơ sở vật chất phục vụ nuôi dưỡng, điều dưỡng, đón tiếp người có công với cách mạng.

+ Sửa đổi mức quà tặng bằng tiền mặt và hiện vật đối với gia đình, cá nhân: quà tặng tiền mặt là 1.000.000 đồng/gia đình hoặc cá nhân và hiện vật trị giá 250.000 đồng/gia đình hoặc cá nhân.

+ Bổ sung nội dung bố trí kinh phí chi quản lý 1,7% thực hiện chính sách ưu đãi cho người có công với cách mạng do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an thực hiện.

+ Bổ sung quy định về thực hiện chế độ nuôi dưỡng đối với các đối tượng được nuôi dưỡng tại các cơ sở nuôi dưỡng do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội (người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng, đối tượng khác) quản lý.

- Thời điểm điều chỉnh:

+ Mức hưởng trợ cấp, phụ cấp ưu đãi người có công với cách mạng, mức hỗ trợ ưu đãi giáo dục tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân đến trình độ đại học và mức trợ cấp ưu đãi một lần đối với người bị thương có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 5%-20% theo mức chuẩn 2.055.000 đồng được thực hiện kể từ ngày 01/7/2023.

+ Mức chi chế độ điều dưỡng theo mức chuẩn 2.055.000 đồng được thực hiện kể từ ngày 01/01/2024.

- Nguồn kinh phí thực hiện:

Nguồn ngân sách trung ương thực hiện Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng được bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước chi thường xuyên hằng năm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

- Trách nhiệm thi hành:

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**6. Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về quản lý và sử dụng con dấu, Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý, sử dụng pháo**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2023.

Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự và chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ đã được cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành vẫn tiếp tục có giá trị sử dụng; trường hợp cấp đổi, cấp lại sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Đối với hồ sơ cấp mới, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự đã được tiếp nhận và đang xem xét giải quyết theo quy định tại Nghị định số 96/2016/NĐ-CP thì hồ sơ cấp mới, cấp đổi, cấp lại thực hiện theo Nghị định số 96/2016/NĐ-CP, Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự được cấp theo mẫu quy định tại Nghị định này.

Đối với hồ sơ đề nghị đăng ký lại mẫu con dấu, hồ sơ đề nghị đăng ký thêm con dấu, hồ sơ đề nghị đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu đã được tiếp nhận và đang xem xét giải quyết theo quy định tại Nghị định số 99/2016/NĐ-CP thì thực hiện theo Nghị định số 99/2016/NĐ-CP.

Đối với hồ sơ cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu, vận chuyển pháo hoa nổ, thuốc pháo hoa nổ và thiết bị phụ kiện bắn pháo hoa nổ; xuất khẩu, nhập khẩu, mua, vận chuyển pháo hoa, thuốc pháo hoa; hồ sơ huấn luyện về kỹ thuật an toàn trong sản xuất, quản lý, bảo quản, sử dụng pháo hoa, pháo hoa nổ, thuốc pháo đã được tiếp nhận và đang xem xét giải quyết theo quy định tại Nghị định số 137/2020/NĐ-CP thì hồ sơ thực hiện theo Nghị định số 137/2020/ND-CP, mẫu Giấy phép được cấp theo mẫu quy định tại Nghị định này.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

*Cơ sở pháp lý:*

Ngày 30/8/2022, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1015/QĐ-TTg phê duyệt phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan ngang bộ; trong đó quy định: “Giao các bộ, cơ quan ngang bộ chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan liên quan ban hành văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các quy định liên quan theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, ban hành. Căn cứ vào tình hình, điều kiện thực tế, các bộ, cơ quan ngang bộ báo cáo cấp có thẩm quyền áp dụng hình thức một văn bản sửa nhiều văn bản và theo trình tự, thủ tục rút gọn hoặc lồng ghép nội dung phương án phân cấp trong quá trình sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật...”

Tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 đã quy định điều chỉnh các phương án phân cấp giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký, quản lý ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; quản lý, sử dụng pháo hiện đang được quy định tại các nghị định: Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện (sau đây gọi là Nghị định số 96/2016/NĐ-CP) và Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về quản lý và sử dụng pháo (sau đây gọi là Nghị định số 137/2020/NĐ-CP).

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính và giấy tờ công dân, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Quyết định số 5714/QĐ-BCA-V03 ngày 28/7/2022 phê duyệt phương ăn đơn giản hóa đối với các thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an.

Tại Quyết định số 5714/QĐ-BCA-V03 ngày 28/7/2022 đã quy định điều chỉnh đơn giản hóa đối với các thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký, quản lý ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý và sử dụng pháo hiện đang được quy định tại các nghị định: Nghị định số 96/2016/NĐ-CP; Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về quản lý và sử dụng con dấu (sau đây gọi là Nghị định số 99/2016/NĐ-CP) và Nghị định số 137/2020/NĐ-CP.

*Cơ sở thực tiễn:*

Từ khi Chính phủ ban hành Nghị định số 96/2016/NĐ-CP, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP và Nghị định số 137/2020/NĐ-CP đã tạo hành lang pháp lý quan trọng để quản lý nhà nước trong các lĩnh vực đăng ký, quản lý ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự, quản lý và sử dụng con dấu; quản lý và sử dụng pháo; góp phần tích cực vào công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật, tăng cường quản lý nhà nước về an ninh trật tự, góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Tuy nhiên, thời gian qua, Quốc hội và Chính phủ ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến an ninh, trật tự, như: Luật Đầu tư năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung năm 2022), Luật Cư trú năm 2020, Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ năm 2017 (được sửa đổi, bổ sung năm 2019), Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy, Quyết định số 145- QĐ/TW ngày 08/8/2018 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh,... Theo đó, một số quy định liên quan đến thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký, quản lý ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý và sử dụng pháo cần phải được sửa đổi, bổ sung cho phủ hợp với các văn bản quy phạm pháp luật mới này nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

Bên cạnh đó, quá trình triển khai thực hiện các nghị định trên ngoài những kết quả đạt được đã phát sinh một số khó khăn, vướng mắc sau:

+ Đối với Nghị định số 96/2016/NĐ-CP

(i) Tại Điều 9, quy định điều kiện về nơi cư trú đối với người chịu trách nhiệm về an ninh, trật tự của cơ sở kinh doanh dịch vụ cầm đồ là không bảo đảm phù hợp với quyền tự do cư trú của công dân được quy định tại khoản 4 Điều 38 Luật Cư trú năm 2020.

(ii) Tại Điều 14, chưa quy định về giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự dưới dạng văn bản điện tử để thực hiện cải cách thủ tục hành chính.

(iii) Quy định về cấp mới, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự tại Điều 19, Điều 20, Điều 23 chưa đáp ứng yêu cầu đơn giản hóa thủ tục hành chính.

(iv) Tại Điều 24 về thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện về an ninh, trật tự, Chứng chỉ nghiệp vụ bảo vệ, cần thực hiện phân cấp thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính theo chủ trương của Chính phủ.

(v) Tại điểm a khoản 3 Điều 19 quy định các văn bản, tài liệu về phòng cháy và chữa cháy theo Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chỉ tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy là không phù hợp vì Nghị định này đã bị thay thế bằng Nghị định số 136/2020/NĐ-CP ngày 24/11/2020 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy và chữa chảy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

(vi) Tại khoản 4 Điều 37 quy định thẩm quyền của Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an là không phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của Bộ Công an.

(vii) Một số mẫu ban hành kèm theo Nghị định cần sửa đổi, bổ sung nội dung thông tin cho phù hợp.

+ Đối với Nghị định số 99/2016/NĐ-CP:

(i) Điều 7 quy định Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh được sử dụng con dấu có hình Quốc huy là chưa phù hợp với quy định tại Quyết định số 145-QĐ/TW ngày 08/8/2018 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh; theo đó, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh là đơn vị trực thuộc Ban Chấp hành Trung ương, sử dụng con dấu Đảng.

(ii) Một số quy định về hồ sơ, thủ tục thực hiện thủ tục hành chính chưa phủ hợp với chủ trương của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay, nhất là cần quy định về việc nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của Bộ Công an và các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm các giấy tờ tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức.

(iii) Tại Điều 24 về trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng con dấu chưa quy định cơ quan, tổ chức bị chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy đăng ký hoạt động, giấy phép hoạt động hoặc bị tạm đình chỉ, đình chỉ hoạt động khi nộp lại con dấu và giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu thì phải có văn bản đề nghị, trong đó nêu rõ lý do và cử người đến nộp con dấu và giấy chứng nhận đăng ký mẫu con dấu đã được cấp trước đó nên chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn và yêu cầu quản lý nhà nước trong công tác này.

(iv) Tại khoản 1 Điều 12 quy định thẩm quyền của “Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Tổng cục Cảnh sát, Bộ Công an” là chưa phù hợp với cơ cấu tổ chức mới của Bộ Công an.

(v) Một số thông tin trong Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

+ Đối với Nghị định số 137/2020/NĐ-CP:

(i) Quy định tại khoản 8 Điều 11, khoản 2 Điều 12 về các trường hợp cho phép bắn pháo hoa nổ do Thủ tướng Chính phủ quyết định là chưa phù hợp với chủ trương phân cấp thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ; theo đó, đối với các trường hợp này cần phân cấp từ Thủ tướng Chính phủ về bộ chuyên ngành quản lý; cụ thể: giao quyền cho Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền quyết định các trường hợp khác được tổ chức bắn pháo hoa sau khi có văn bản trao đổi thống nhất với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng.

(ii) Một số quy định về hồ sơ, thủ tục thực hiện thủ tục hành chính, thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính chưa phù hợp với chủ trương của Chính phủ về cải cách thủ tục hành chính trong giai đoạn hiện nay, nhất là cần quy định về việc nộp hồ sơ qua Cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của Bộ Công an và các quy định về đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm các giấy tờ tạo điều kiện thuận lợi cho cơ quan, tổ chức.

(iii) Điểm c khoản 2 Điều 14 Nghị định quy định: “Người quản lý, người phục vụ có liên quan đến kinh doanh pháo hoa phải được huấn luyện về kỹ thuật an toàn”. Tuy nhiên khoản 2 Điều 18 lại chưa quy định đối tượng phải huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, kinh doanh pháo hoa đối với “Người bảo vệ, bốc dỡ tại kho pháo hoa, thuốc pháo hoa và tại cửa hàng kinh doanh pháo hoa; nhân viên bán pháo hoa; người áp tải, điều khiển phương tiện vận chuyển pháo hoa, thuốc pháo hoa”. Do đó, cần bổ sung các đối tượng này vào khoản 2 Điều 18.

(iv) Tại Điều 18 quy định về tổ chức huấn luyện kỹ thuật an toàn trong sản xuất, kinh doanh pháo hoa, việc giao cho Tổng cục Công nghiệp quốc phòng Bộ Quốc phòng tổ chức huấn luyện đối với tất cả các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng là chưa phù hợp, do việc huấn luyện được tổ chức thường xuyên vào nhiều thời điểm trong năm, số lượng người huấn luyện có thể rất ít nên cần nghiên cứu phân cấp thẩm quyền cho cả các tổ chức, doanh nghiệp được phép nghiên cứu, sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, cung cấp pháo hoa nổ, thuốc pháo nổ và tổ chức, doanh nghiệp được phép sản xuất, kinh doanh pháo hoa được thực hiện tổ chức huấn luyện cho một số đối tượng như: Người quản lý; người lao động trực tiếp sản xuất pháo hoa, thuốc pháo hoa; người được giao quản lý kho pháo hoa, thuốc pháo hoa; người bảo vệ, bốc dỡ tại kho pháo hoa, thuốc pháo hoa và tại cửa hàng kinh doanh pháo hoa; nhân viên bán pháo hoa; người áp tải, điều khiển phương tiện vận chuyển pháo hoa, thuốc pháo hoa.

Mặt khác, việc giao cho Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an có thẩm quyền huấn luyện, kiểm tra, cấp giấy chứng nhận huấn luyện kỹ thuật an toàn đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Công an là chưa phù hợp, vì các đối tượng phải huấn luyện kỹ thuật an toàn đều thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Quốc phòng.

(v) Tại điểm đ khoản 5 Điều 18 Nghị định quy định việc thành lập Hội đồng kiểm tra sát hạch là không phù hợp. Nội dung này cần giao cho Tổng cục Công nghiệp quốc phòng, Bộ Quốc phòng (đơn vị được giao thẩm quyền kiểm tra sát hạch) sẽ bảo đảm chủ động, linh hoạt thời gian, phương thức phù hợp trong việc tổ chức kiểm tra sát hạch đáp ứng yêu cầu công tác. Việc tuyển dụng và huấn luyện kỹ thuật an toàn được thực hiện thường xuyên, vào nhiều thời điểm trong năm; do đó, việc quy định cứng về việc thành lập Hội đồng kiểm tra sát hạch (thời gian thành lập, thành phần Hội đồng) sẽ gây khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện.

(vi) Một số biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định cần sửa đổi, bổ sung thông tin cho phù hợp.

Từ các căn cứ trên, để thực thi phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính và đơn giản hóa thủ tục hành chính trong lĩnh vực đăng ký, quản lý ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý và sử dụng pháo được quy định trong Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 5714/QĐ-BCA-V03 ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Công an; đồng thời nhằm giải quyết một số vấn đề cấp bách phát sinh trong thực tiễn thì việc ban hành Nghị định số 56/2023/NĐ-CP ngày 24/7/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về quản lý và sử dụng con dấu và Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về quản lý và sử dụng pháo là cần thiết, có cơ sở pháp lý và đáp ứng yêu cầu của công tác cải cách hành chính nhà nước hiện nay và những năm tiếp theo; đặc biệt trong việc đẩy mạnh phân quyền trong quản lý nhà nước, đơn giản hóa thủ tục hành chính và giấy tờ công dân.

- Mục đích ban hành:

Thể chế hoá quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng về cải cách hành chính nhà nước nói chung nhằm góp phần tạo môi trường an toàn, ổn định để xây dựng và phát triển đất nước trong thời kỳ đổi mới, hội nhập quốc tế.

Thực hiện các phương án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính và giấy tờ công dân trong các lĩnh vực: đăng ký, quản lý ngành nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện về an ninh, trật tự; quản lý và sử dụng con dấu; quản lý và sử dụng pháo đã được phê duyệt tại Quyết định số 1015/QĐ-TTg ngày 30/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 5714/QĐ-BCA-V03 ngày 28/7/2022 của Bộ trưởng Bộ Công an.

Khắc phục những tồn tại, hạn chế của pháp luật hiện nay trong giải quyết thủ tục hành chính cho cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất trong hệ thống pháp luật quy định về các giấy tờ của công dân; đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý hành chính về trật tự xã hội; góp phần phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn xã hội của đất nước.

**c) Nội dung chủ yếu:** Nghị định gồm 05 Điều với những nội dung chủ yếu như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 96/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 về quản lý và sử dụng con dấu.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 137/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2020 quy định về quản lý và sử dụng pháo.

Điều 4. Hiệu lực thi hành và điều khoản chuyển tiếp.

Điều 5. Trách nhiệm thi hành.

**7. Quyết định số 18/2023/QĐ-TTg ngày 01 tháng 7 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025**

**a) Hiệu lực thi hành:** Quyết địnhcó hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Căn cứ ban hành: Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019; Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019; Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025;

- Mục đích ban hành: Nhằm sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

**c) Nội dung chủ yếu:** Quyết định gồm 03 Điều với những nội dung chủ yếu như sau:

- Điều 1. Sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ một số điều của Quyết định số 39/2021/QĐ-TTg ngày 30/12/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

- Điều 2. Quy định về hiệu lực thi hành.

- Điều 3. Quy định về đối tượng chịu trách nhiệm thi hành.

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành trong tháng 7 năm 2023, Bộ Tư pháp xin thông báo./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Bộ trưởng (để báo cáo);- Thứ trưởng Nguyễn Thanh Tịnh (để báo cáo);- Văn phòng Chính phủ (để biết);- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ (để đăng tải);- Báo Điện tử Chính phủ (để đăng tải);- Cục CNTT Bộ Tư pháp (để đăng tải);- Báo Pháp luật Việt Nam (để đăng tải); - Lưu: VT, VP (TT). | **TL. BỘ TRƯỞNG****CHÁNH VĂN PHÒNG****Đỗ Xuân Quý** |  |

1. 02 nghị định và 07 thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đấu giá tài sản. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tính đến tháng 6/2022, cả nước có gần 600 tổ chức đấu giá tài sản và hơn 1000 đấu giá viên. [↑](#footnote-ref-2)
3. Từ tháng 01/2017 đến tháng 12/2019, các tổ chức đấu giá tài sản đã tổ chức 86.607 cuộc đấu giá thành với tổng giá khởi điểm gần 195 tỷ đồng, tổng giá trị bán thành hơn 233 tỷ đồng, làm lợi cho người có tài sản, ngân sách Nhà nước hơn 38.185 tỷ đồng, nộp thuế cho ngân sách nhà nước gần 100 tỷ đồng; trong 02 năm 2020-2021, các tổ chức đấu giá tài sản đã tổ chức 67.955 cuộc đấu giá, trong đó có 53.688 cuộc đấu giá thành (chiếm 79%), nộp ngân sách nhà nước 62.297 tỷ đồng. [↑](#footnote-ref-3)
4. Ngoài ra, hiện nay có khoảng 20 tổ chức đang xây dựng và đề nghị Sở Tư pháp thẩm định, phê duyệt Trang thông tin điện tử đấu giá trực tuyến. [↑](#footnote-ref-4)
5. Một số tổ chức đấu giá tài sản hướng dẫn người tham gia đấu giá mua, nộp hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá thông qua email hoặc tài khoản website đã được đăng ký; một số khác yêu cầu nộp trực tiếp hoặc qua đường bưu điện; người tham gia đấu giá nộp tiền đặt trước thông qua qua chuyển khoản ngân hàng (banking, chụp chứng từ ủy nhiệm chi), một số khác lại yêu cầu nộp thông qua tài khoản truy cập của trang đấu giá trực tuyến. [↑](#footnote-ref-5)